

Số: 512/QĐ-CDN

Tây Ninh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v Công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp
Kỳ thi tốt nghiệp khóa ngày 09/6/2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ vào Quyết định số 360/QĐ-CDN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2023;

Căn cứ nội dung buổi họp ngày 21/6/2023 của Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2023;

Theo đề nghị của Phòng Đào tạo Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 474 học sinh, sinh viên đạt điểm tốt nghiệp trong kỳ thi tốt nghiệp khóa ngày 09/6/2023 (gồm 270 học sinh khóa 43B – Hệ Trung cấp, 204 sinh viên khóa 07A – Hệ Cao đẳng và các khóa trước về thi lại).

Bao gồm các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cắt gọt kim loại, Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí, Công nghệ ô tô, Hàn, Quản trị cơ sở dữ liệu, Quản trị mạng máy tính, Kế toán doanh nghiệp, Nghiệp vụ nhà hàng, Quản trị du lịch MICE (Có danh sách đính kèm).

Điều 2. Các học sinh, sinh viên có tên trong danh sách nêu ở Điều 1 được hưởng mọi tiêu chuẩn và quyền lợi theo qui định hiện hành.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn và những học sinh, sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐTB&XH;
- Lưu: VT, ĐT.



ThS. Châu Thành Trọng

SỐ 21/QUYT

QUYẾT ĐỊNH

Về Công nhận tư cách là Cán bộ
kỹ thuật chuyên môn

THỦ TƯỚNG TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-TTĐ ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn;
Căn cứ Quyết định số 09/2011-QĐ-TTĐ ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn;
Căn cứ Quyết định số 09/2011-QĐ-TTĐ ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn;
Căn cứ Quyết định số 09/2011-QĐ-TTĐ ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn cho các cán bộ kỹ thuật chuyên môn thuộc đơn vị sau đây:
- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1974, học sinh, sinh viên đạt danh hiệu học sinh giỏi năm 2000 (trước đây là học sinh giỏi năm 2000).

Điều 2. Các cán bộ kỹ thuật chuyên môn thuộc đơn vị sau đây được công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn:
- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975, học sinh, sinh viên đạt danh hiệu học sinh giỏi năm 2001 (trước đây là học sinh giỏi năm 2001).

Điều 3. Các cán bộ kỹ thuật chuyên môn thuộc đơn vị sau đây được công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn:
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976, học sinh, sinh viên đạt danh hiệu học sinh giỏi năm 2002 (trước đây là học sinh giỏi năm 2002).

Điều 4. Các cán bộ kỹ thuật chuyên môn thuộc đơn vị sau đây được công nhận tư cách là Cán bộ kỹ thuật chuyên môn:
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977, học sinh, sinh viên đạt danh hiệu học sinh giỏi năm 2003 (trước đây là học sinh giỏi năm 2003).



THỦ TƯỚNG TÂY NINH
CÁO BẢNG NGHỊ TÂY NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Kỳ thi tốt nghiệp khóa ngày 09/6/2023

Hệ Cao đẳng

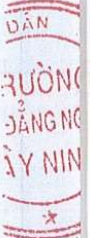
(Kèm theo Quyết định số 512/QĐ-CDN ngày 21/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh)

TT	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
								LT	TH	CT			
1	01	001	Đặng Hoàng Thái Bảo	CDCN07A1	13/09/2001	Tây Ninh	7.4	9.0	9.0	6.5	8.2	Giỏi	
2	01	007	Trần Nguyên Chương	CDCN07A1	30/09/1999	Tây Ninh	7.3	8.0	9.0	8.0	8.0	Giỏi	
3	01	011	Nguyễn Nhật Cơ	CDCN07A1	10/12/2002	Tây Ninh	7.5	5.0	8.5	6.0	7.4	Khá	
4	01	014	Nguyễn Hiếu Đặng	CDCN07A1	28/01/2002	Tây Ninh	7.8	9.5	9.5	8.5	8.7	Giỏi	
5	01	017	Đỗ Lê Hồng Hậu	CDCN07A1	17/02/2001	Tây Ninh	8.6	9.5	9.5	9.5	9.1	Xuất sắc	
6	02	024	Phạm Trọng Hiếu	CDCN07A1	29/09/1999	Tây Ninh	7.9	9.5	9.0	7.5	8.5	Giỏi	
7	02	030	Phan Thanh Hòa	CDCN07A1	07/01/2001	Tây Ninh	7.3	7.5	9.0	8.5	7.9	Khá	
8	02	034	Lâm Hoàng Huy	CDCN07A1	30/07/2002	Tây Ninh	7.9	9.0	9.5	8.5	8.6	Giỏi	
9	02	037	Nguyễn Duy Khánh	CDCN07A1	19/11/2002	Tây Ninh	8.0	9.0	9.5	6.5	8.7	Giỏi	
10	02	040	Lê Văn Kiệt	CDCN07A1	16/08/2002	Tây Ninh	7.1	7.0	9.0	6.0	7.7	Khá	
11	03	047	Trần Huỳnh Nhật Linh	CDCN07A1	08/12/2001	Tây Ninh	7.7	8.0	9.0	6.0	8.2	Giỏi	
12	03	053	Lê Thanh Long	CDCN07A1	18/04/2002	Tây Ninh	7.1	8.5	8.0	8.0	7.6	Khá	
13	03	057	Trần Văn Luật	CDCN07A1	19/02/2002	Tây Ninh	6.6	7.0	8.0	5.0	7.1	Khá	
14	03	060	Đoàn Nhật Nam	CDCN07A1	10/11/2002	Tây Ninh	6.8	8.5	9.0	5.5	7.8	Khá	
15	03	063	La Thành Nghiệp	CDCN07A1	10/01/2001	Tây Ninh	7.3	7.0	9.5	8.0	8.0	Khá	có MH thi lại
16	04	070	Nguyễn Đặng Vĩnh Phát	CDCN07A1	18/06/2002	Tây Ninh	8.1	9.0	9.5	8.5	8.7	Giỏi	
17	04	076	Nguyễn Quốc Phi	CDCN07A1	12/03/2002	Tây Ninh	6.5	6.5	8.5	6.0	7.2	Khá	
18	04	081	Phạm Hồng Phúc	CDCN07A1	22/12/2002	Tây Ninh	6.8	5.5	8.5	5.5	7.2	Khá	
19	04	084	Nguyễn Minh Sang	CDCN07A1	28/08/2002	Tây Ninh	7.9	8.0	9.0	8.5	8.3	Khá	có MH thi lại
20	04	087	Trần Công Tấn	CDCN07A1	01/06/2002	Bình Định	7.3	8.5	8.5	8.5	7.9	Khá	
21	05	094	Nguyễn Công Thanh	CDCN07A1	04/05/1999	Tây Ninh	7.3	6.0	9.5	9.0	7.8	Khá	
22	05	102	Lê Văn Trọng	CDCN07A1	02/10/2002	Tây Ninh	7.6	8.5	9.5	8.5	8.4	Giỏi	
23	05	107	Trần Nhật Trường	CDCN07A1	18/01/2002	Tây Ninh	7.0	6.0	7.0	6.5	6.8	Trung bình khá	
24	05	110	Võ Phạm Thế Anh	CDCN07A2	07/11/2002	Tây Ninh	6.6	9.5	9.0	7.0	7.9	Khá	
25	05	113	Nguyễn Chí Cường	CDCN07A2	25/10/2002	Tây Ninh	6.9	7.0	8.5	6.5	7.5	Khá	
26	06	118	Lê Phát Đạt	CDCN07A2	04/11/2002	Tây Ninh	6.9	6.0	8.5	6.5	7.3	Khá	
27	06	125	Phạm Đông Dương	CDCN07A2	21/03/2002	Tây Ninh	7.7	9.5	9.0	9.5	8.4	Giỏi	
28	06	131	Huỳnh Phước Hải	CDCN07A2	19/10/2002	Tây Ninh	6.8	6.5	5.0	9.0	6.2	Trung bình khá	
29	06	134	Nguyễn Văn Hậu	CDCN07A2	03/11/2002	Tây Ninh	7.4	7.5	9.0	9.5	8.0	Giỏi	
30	06	137	Nguyễn Quốc Khánh	CDCN07A2	04/09/2002	Tây Ninh	6.8	7.0	9.0	9.0	7.6	Khá	
31	07	142	Nguyễn Minh Khôi	CDCN07A2	26/01/2002	Tây Ninh	7.3	8.5	9.0	9.0	8.1	Giỏi	
32	07	150	Nguyễn Bảo Linh	CDCN07A2	13/06/2002	Tây Ninh	7.2	7.0	7.5	6.5	7.3	Khá	
33	07	154	Trần Công Mạnh	CDCN07A2	09/10/1997	Tây Ninh	8.3	9.5	9.5	8.5	8.9	Giỏi	
34	07	157	Lê Thành Nam	CDCN07A2	10/12/2001	Tây Ninh	7.1	8.5	9.0	8.5	8.0	Khá	có MH thi lại
35	07	160	Lê Thành Nhân	CDCN07A2	04/07/2001	Tây Ninh	7.3	7.5	9.0	8.5	7.9	Khá	



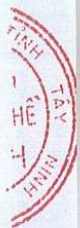
TT	P. thi	Số BD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									LT	TH	CT			
36	08	166	Nguyễn Tấn	Phát	CDCN07A2	25/08/2002	Tây Ninh	7.0	7.5	9.0	9.5	7.8	Khá	
37	08	172	Võ Thanh	Phát	CDCN07A2	17/05/2001	Tây Ninh	7.1	6.0	9.0	8.5	7.6	Khá	
38	08	176	Lê Tuấn	Phong	CDCN07A2	11/11/2002	Tây Ninh	8.1	9.5	9.5	9.5	8.8	Giỏi	
39	08	179	Nguyễn Thanh	Phong	CDCN07A2	16/08/2002	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	7.5	6.5	Trung bình khá	
40	08	182	Trần Văn	Phước	CDCN07A2	23/06/2002	Tây Ninh	7.1	5.5	8.5	8.0	7.3	Khá	
41	08	185	Trần Đình	Phương	CDCN07A2	03/09/2001	Tây Ninh	7.7	7.0	8.0	7.0	7.7	Khá	
42	09	188	Nguyễn Thanh	Quang	CDCN07A2	11/07/2002	Tây Ninh	7.7	7.5	8.5	8.0	7.9	Khá	
43	09	194	Phạm Hoàng	Sang	CDCN07A2	03/03/2002	Tây Ninh	7.0	7.5	9.0	5.0	7.8	Khá	
44	09	199	Võ Văn	Tài	CDCN07A2	20/09/2002	Tây Ninh	6.9	7.5	8.5	7.5	7.5	Khá	
45	09	203	Ngô Tam	Tĩnh	CDCN07A2	24/03/2001	Tây Ninh	7.8	9.0	9.0	5.5	8.4	Giỏi	
46	09	207	Trần Đại	Vĩ	CDCN07A2	06/06/2002	Tây Ninh	6.7	9.5	9.0	5.0	7.9	Khá	
47	09	209	Trần Tô Quốc	Việt	CDCN07A2	07/03/2001	Tây Ninh	6.3	6.5	8.5	6.5	7.1	Khá	
48	01	002	Nguyễn Hoài	Ân	CDLA07A	24/02/2002	Tây Ninh	7.8	7.0	7.0	6.5	7.4	Khá	
49	01	008	Đình Tôn	Bảo	CDLA07A	23/02/2001	Tây Ninh	7.6	7.5	8.0	9.0	7.7	Khá	
50	02	025	Nguyễn Thái	Bảo	CDLA07A	03/06/2001	Tây Ninh	7.3	6.5	8.0	7.0	7.4	Khá	
51	02	031	Nguyễn Văn	Duy	CDLA07A	06/01/2000	Tây Ninh	7.6	7.0	7.0	5.5	7.3	Khá	
52	03	048	Quách Bảo	Duy	CDLA07A	03/05/2002	Tây Ninh	7.0	8.5	6.0	7.0	6.9	Trung bình khá	
53	03	054	Lê Thanh	Hải	CDLA07A	16/10/2002	Tây Ninh	7.1	8.5	7.0	7.0	7.3	Khá	
54	04	071	Nguyễn Tấn	Hùng	CDLA07A	04/07/2002	Tây Ninh	6.8	8.0	6.0	5.0	6.7	Trung bình khá	
55	04	077	Võ Quốc	Khánh	CDLA07A	16/09/1998	Tây Ninh	7.8	9.0	9.0	7.5	8.4	Giỏi	
56	05	096	Trần Thế	Kiệt	CDLA07A	26/01/2001	Tây Ninh	6.9	6.0	5.0	6.5	6.1	Trung bình khá	
57	05	103	Từ Hữu	Phúc	CDLA07A	14/08/2002	Tây Ninh	7.7	8.5	7.0	6.0	7.6	Khá	
58	06	119	Nguyễn Thanh	Sơn	CDLA07A	18/06/2002	Tây Ninh	6.6	7.0	6.0	9.0	6.5	Trung bình khá	
59	06	127	Trần Văn	Sỹ	CDLA07A	18/05/1999	Tây Ninh	7.9	7.0	6.5	9.5	7.3	Khá	
60	07	144	Phạm Quốc	Thanh	CDLA07A	11/01/2002	Tây Ninh	6.6	6.5	6.5	8.5	6.6	Trung bình khá	
61	08	167	Thị Hiếu	Thành	CDLA07A	21/11/1997	Tây Ninh	7.8	5.0	7.0	9.0	7.1	Khá	
62	01	003	Nguyễn Phước	Duy	CCGK07A	21/01/2002	Tây Ninh	7.2	5.0	7.0	7.5	6.8	Trung bình khá	
63	02	026	Nguyễn Hồ Đăng Khoa		CCGK07A	22/03/2000	Tp.HCM	7.0	5.5	7.0	6.0	6.8	Trung bình khá	
64	03	049	Ngô Gia	Kiệt	CCGK07A	10/12/2001	Tây Ninh	7.6	6.0	7.5	8.0	7.3	Khá	
65	04	072	Nguyễn Lợi	Nhuận	CCGK07A	22/08/2002	Tây Ninh	7.4	5.0	8.0	6.5	7.2	Khá	
66	05	097	Huỳnh Thanh	Thiên	CCGK07A	21/06/2002	Tây Ninh	7.5	6.5	7.5	6.5	7.3	Khá	
67	06	121	Huỳnh Nhựt	Tiến	CCGK07A	03/03/2002	Tây Ninh	7.0	5.5	7.0	5.5	6.8	Trung bình khá	
68	01	004	Trần Ngọc	Ân	CCNO07A1	06/04/2002	Tây Ninh	6.7	8.0	6.0	7.5	6.7	Trung bình khá	
69	01	009	Huỳnh Phạm Quốc Anh		CCNO07A1	30/10/2002	Tây Ninh	7.0	6.0	8.0	9.0	7.2	Khá	
70	01	012	Hồ Quốc	Bảo	CCNO07A1	16/01/2000	Tây Ninh	6.9	7.5	8.0	6.0	7.4	Khá	
71	01	015	Nguyễn Quốc	Cơ	CCNO07A1	24/10/2001	Tây Ninh	7.2	7.0	6.0	7.5	6.8	Trung bình khá	
72	01	018	Nguyễn Hữu	Cường	CCNO07A1	21/09/1989	Bình Dương	7.5	7.5	9.0	9.0	8.0	Giỏi	
73	01	020	Trần Thanh	Cường	CCNO07A1	21/03/2002	Tây Ninh	7.1	8.0	7.0	8.5	7.2	Khá	
74	01	022	Nguyễn Văn	Đạt	CCNO07A1	22/05/2002	Tây Ninh	7.3	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá	
75	02	027	Lê Long	Đình	CCNO07A1	14/06/2002	Tây Ninh	7.1	5.0	6.0	7.0	6.4	Trung bình khá	

TT	P. thi	Số BD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									LT	TH	CT			
76	02	032	Đổng Văn	Định	CCNO07A1	16/05/2002	Tây Ninh	7.1	7.5	6.0	5.5	6.8	Trung bình khá	
77	02	035	Lê Công	Đức	CCNO07A1	16/04/2001	Tây Ninh	6.8	8.0	7.0	9.0	7.1	Khá	
78	02	038	Nguyễn Khánh	Duy	CCNO07A1	01/04/2001	Tây Ninh	7.1	7.5	8.0	6.5	7.5	Khá	
79	02	041	Lữ Minh	Hiếu	CCNO07A1	09/03/2000	Tây Ninh	6.9	7.5	7.0	7.5	7.0	Khá	
80	02	043	Cao Việt	Hùng	CCNO07A1	17/11/2002	Tây Ninh	7.0	8.0	9.0	5.0	7.8	Khá	
81	02	045	Lê Trọng	Hưng	CCNO07A1	03/05/2002	Tây Ninh	7.2	6.5	9.0	6.0	7.7	Khá	
82	03	050	Nguyễn Gia	Hưng	CCNO07A1	30/09/2002	Tây Ninh	7.0	8.0	7.0	6.0	7.2	Khá	
83	03	055	Phạm Gia	Hưng	CCNO07A1	14/10/2002	Tây Ninh	6.9	8.0	7.0	8.0	7.1	Khá	
84	03	058	Phạm Minh	Kha	CCNO07A1	15/09/2002	Tây Ninh	6.9	8.5	7.0	6.5	7.2	Khá	
85	03	061	Trịnh Minh	Lên	CCNO07A1	18/06/2002	Tây Ninh	6.9	5.0	6.0	5.0	6.3	Trung bình khá	
86	03	064	Nguyễn Minh	Mẫn	CCNO07A1	19/11/1995	Tây Ninh	7.1	8.0	9.0	7.5	7.9	Khá	
87	03	066	Võ Văn	Mỹ	CCNO07A1	24/08/2002	Tây Ninh	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	Khá	
88	03	068	Phạm Nhật	Nam	CCNO07A1	03/07/2002	Tây Ninh	6.9	8.0	8.0	5.5	7.5	Khá	
89	04	073	Nguyễn Văn	Ngọc	CCNO07A1	20/09/1990	Lâm Đồng	7.5	8.0	9.0	7.0	8.1	Giỏi	
90	04	078	Lê Minh	Nguyên	CCNO07A1	15/02/2002	Tây Ninh	7.4	8.5	8.0	5.0	7.8	Khá	
91	04	082	Trần Tấn	Nguyệt	CCNO07A1	28/03/2002	Tây Ninh	6.6	6.0	5.0	5.0	6.0	Trung bình khá	
92	04	085	Dương Minh	Nhật	CCNO07A1	16/09/2001	Tây Ninh	7.2	8.0	9.0	8.0	7.9	Khá	
93	04	088	Trần Tấn	Nhật	CCNO07A1	28/03/2002	Tây Ninh	6.6	7.0	5.0	5.0	6.1	Trung bình khá	
94	04	090	Bùi Minh	Đại	CCNO07A2	13/12/2002	Tây Ninh	7.2	9.0	9.0	8.5	8.1	Giỏi	
95	04	092	Lưu Đăng	Khoa	CCNO07A2	04/10/2002	Tây Ninh	7.0	8.5	9.0	6.0	7.9	Khá	
96	05	099	Bưng Tiến	Phát	CCNO07A2	08/05/2001	Tây Ninh	7.0	7.5	9.0	6.0	7.8	Khá	
97	05	104	Lê Thành	Phát	CCNO07A2	02/11/2002	Tây Ninh	6.6	6.0	6.0	5.0	6.3	Trung bình khá	
98	05	109	Nguyễn Bình	Phú	CCNO07A2	26/05/2002	Tây Ninh	7.2	7.5	9.0	8.0	7.9	Khá	
99	05	112	Trương Thiên	Phú	CCNO07A2	27/03/2002	Tp HCM	6.9	8.0	7.0	8.0	7.1	Khá	
100	05	115	Trương Hoàng	Phượng	CCNO07A2	09/08/2001	Tây Ninh	7.0	8.0	6.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
101	05	117	Trần Hoàng Thanh	Quang	CCNO07A2	19/03/2001	Tây Ninh	7.1	9.0	6.0	5.5	7.1	Khá	
102	06	122	Trần Minh	Sang	CCNO07A2	31/10/2002	Tây Ninh	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	Khá	
103	06	128	Trần Thái	Sơn	CCNO07A2	16/08/2002	Tây Ninh	7.0	8.5	8.0	6.5	7.6	Khá	
104	06	132	Huỳnh Nguyễn Tấn	Tài	CCNO07A2	19/10/2002	Tp HCM	7.3	8.5	9.0	6.0	8.1	Giỏi	
105	06	135	Nguyễn Thành	Tài	CCNO07A2	10/04/2001	Tây Ninh	6.7	8.5	6.0	5.0	6.8	Trung bình khá	
106	06	138	Phạm Công	Tâm	CCNO07A2	18/03/2002	Tây Ninh	6.9	9.0	8.0	7.0	7.6	Khá	
107	06	140	Nguyễn Trọng	Tân	CCNO07A2	22/03/2001	Tây Ninh	7.4	8.0	8.0	7.0	7.7	Khá	
108	07	147	Lâm Đức	Tân	CCNO07A2	01/08/2001	Tây Ninh	7.5	8.0	9.0	5.0	8.1	Giỏi	
109	07	151	Nguyễn Đức	Thắng	CCNO07A2	25/08/2002	Tây Ninh	7.3	9.0	9.0	9.0	8.2	Giỏi	
110	07	156	Dương Chí	Thanh	CCNO07A2	03/11/2000	Tây Ninh	7.1	8.5	9.0	9.5	8.0	Giỏi	
111	07	159	Nguyễn Minh	Thành	CCNO07A2	26/12/2002	Tây Ninh	7.0	7.5	8.0	5.0	7.4	Khá	
112	07	161	Huỳnh Ngọc	Thuận	CCNO07A2	24/05/2001	Tây Ninh	6.5	7.5	6.0	5.0	6.5	Trung bình khá	
113	07	163	Lê Phương	Toàn	CCNO07A2	07/02/2002	Tây Ninh	7.0	8.5	7.0	5.5	7.3	Khá	
114	08	169	Lê Quốc	Toàn	CCNO07A2	27/01/2001	Tây Ninh	6.7	7.5	7.0	8.5	6.9	Trung bình khá	
115	08	173	Nguyễn Hữu	Toàn	CCNO07A2	19/01/2002	Tây Ninh	6.9	6.5	5.0	9.0	6.2	Trung bình khá	



TT	P. thi	Số BD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									LT	TH	CT			
116	08	178	Tô Đông	Toàn	CCNO07A2	08/10/2001	Tây Ninh	7.2	6.0	7.0	7.5	6.9	Trung bình khá	
117	08	180	Võ Minh	Trí	CCNO07A2	18/04/2001	Tây Ninh	7.1	7.5	5.0	9.5	6.5	Trung bình khá	
118	08	183	Lê Trung	Trực	CCNO07A2	13/11/2002	Tây Ninh	7.1	7.5	9.0	7.5	7.8	Khá	
119	08	186	Bùi Minh	Trung	CCNO07A2	05/02/2002	Tây Ninh	7.6	9.0	9.0	9.0	8.3	Giỏi	
120	09	190	Nguyễn Minh	Tuấn	CCNO07A2	21/09/2002	Tây Ninh	7.1	9.0	8.0	7.0	7.7	Khá	
121	09	195		Usman	CCNO07A2	29/08/2002	Tây Ninh	7.2	8.5	9.0	6.0	8.0	Giỏi	
122	09	200	Lương Huỳnh Tuấ	Vĩ	CCNO07A2	26/08/2002	Tây Ninh	7.1	9.0	7.0	6.5	7.4	Khá	
123	09	204	Mang Tuấn	Vĩ	CCNO07A2	12/08/2001	Tây Ninh	7.3	9.0	9.0	8.0	8.2	Khá	có MH học lại
124	09	208	Nguyễn Trung	Vĩnh	CCNO07A2	08/09/2000	Tây Ninh	7.2	8.0	9.0	7.0	7.9	Khá	
125	09	210	Nguyễn Tuấn	Vỹ	CCNO07A2	19/03/2001	Tây Ninh	7.2	8.0	7.0	5.0	7.3	Khá	
126	01	005	Lê Công Thanh	Bình	CQTC07A	14/09/1996	Tây Ninh	8.3	5.5	9.5	7.5	8.2	Giỏi	
127	03	051	Lê Trường	Đức	CQTC07A	24/09/2002	Tây Ninh	6.8	5.0	9.0	7.5	7.2	Khá	
128	04	074	Nguyễn Thị Thùy	Dung	CQTC07A	03/05/2002	Tây Ninh	7.4	7.0	5.0	7.0	6.5	Trung bình khá	
129	04	079	Phạm Thành	Hậu	CQTC07A	01/07/1998	Tây Ninh	7.4	7.5	7.0	7.0	7.3	Khá	
130	05	100	Nguyễn Trung	Hiếu	CQTC07A	17/04/2001	Tây Ninh	6.4	5.0	5.0	5.0	5.7	Trung bình	
131	05	106	Đặng Huy	Hoàng	CQTC07A	02/09/2001	Hà Tĩnh	6.5	5.0	8.0	5.5	6.8	Trung bình khá	
132	06	124	Hà Nhật Thanh	Huy	CQTC07A	20/06/2002	Tây Ninh	7.6	9.0	8.0	9.0	8.0	Giỏi	
133	07	148	Phạm Bá Nguyên	Khương	CQTC07A	26/08/2002	Tây Ninh	6.5	5.0	7.0	6.0	6.4	Trung bình khá	
134	07	153	Đỗ Tuấn	Kiệt	CQTC07A	29/08/2002	Tây Ninh	8.2	8.0	8.5	9.5	8.3	Giỏi	
135	08	170	Nguyễn Trọng	Nghĩa	CQTC07A	02/03/2002	Tây Ninh	7.1	7.0	6.5	9.5	6.9	Trung bình khá	
136	08	175	Nguyễn Văn	Phương	CQTC07A	21/10/2002	Tây Ninh	6.7	5.0	5.0	8.0	5.9	Trung bình	
137	09	191	Mai Quốc	Thiện	CQTC07A	26/01/2001	Tây Ninh	7.4	7.0	9.5	7.5	8.0	Giỏi	
138	09	196	Trịnh Nguyễn Quốc	Trung	CQTC07A	14/09/2001	Tây Ninh	7.2	7.0	7.5	7.0	7.3	Khá	
139	01	006	Nguyễn Hà Xuân	An	CKTD07A1	20/02/2002	Tây Ninh	7.7	6.5	7.0	9.5	7.3	Khá	
140	01	013	Nguyễn Thị Kim	Anh	CKTD07A1	07/01/2002	Tây Ninh	7.2	7.0	9.0	9.0	7.8	Khá	
141	01	016	Trần Thị Trâm	Anh	CKTD07A1	12/04/2002	Tây Ninh	6.8	6.0	8.0	6.0	7.1	Khá	
142	01	019	Mai Thị Hồng	Ánh	CKTD07A1	22/12/2002	Thanh Hoá	7.0	6.0	5.5	7.0	6.3	Trung bình khá	
143	01	021	Lê Minh	Châu	CKTD07A1	17/01/2001	Tây Ninh	7.3	5.0	7.0	8.0	6.8	Trung bình khá	
144	01	023	Nguyễn Ngọc Mìn	Châu	CKTD07A1	29/12/2002	Long An	7.2	6.0	7.5	8.0	7.1	Khá	
145	02	029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	CKTD07A1	09/12/2002	Tây Ninh	6.9	5.0	7.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
146	02	033	Trương Thị	Dang	CKTD07A1	16/07/2002	Tây Ninh	7.1	5.0	5.0	7.0	6.1	Trung bình khá	
147	02	036	Bùi Thị Kim	Dung	CKTD07A1	05/02/2002	Tây Ninh	7.1	5.5	6.0	8.5	6.5	Trung bình khá	
148	02	039	Nguyễn Thị Cẩm	Dung	CKTD07A1	22/01/2002	Tây Ninh	7.4	5.0	7.0	9.5	6.9	Trung bình khá	
149	02	042	Nguyễn Thị Thùy	Dương	CKTD07A1	17/03/2002	Tây Ninh	7.0	5.5	5.5	5.5	6.3	Trung bình khá	
150	02	044	Trần Thị Bích	Giàu	CKTD07A1	03/08/2002	Tây Ninh	7.2	9.0	7.5	9.0	7.6	Khá	
151	02	046	Trần Thu	Hằng	CKTD07A1	02/01/2002	Tây Ninh	6.8	8.0	6.5	8.5	6.9	Trung bình khá	
152	03	052	Trần Thị Kim	Huế	CKTD07A1	13/08/2002	Tây Ninh	7.6	7.5	7.5	8.5	7.6	Khá	
153	03	056	Hồ Văn	Hưng	CKTD07A1	01/10/2002	Tây Ninh	7.5	7.5	8.5	7.0	7.8	Khá	
154	03	059	Phạm Quốc	Khánh	CKTD07A1	30/08/2000	Tây Ninh	7.1	7.5	7.0	7.0	7.1	Khá	
155	03	062	Trần Thị Diễm	Kiều	CKTD07A1	09/10/2001	Tây Ninh	8.0	9.0	7.0	8.0	7.8	Khá	

TT.	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
								LT	TH	CT			
156	03	065	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CKTD07A1	18/07/2002	Tây Ninh	6.9	5.0	7.0	8.0	6.6	Trung bình khá	
157	03	067	Võ Hoàng Linh	CKTD07A1	19/06/2002	Tây Ninh	7.2	6.5	7.5	6.5	7.2	Khá	
158	03	069	Trần Thị Ngọc Mai	CKTD07A1	18/11/2001	Tây Ninh	6.8	8.5	7.5	9.0	7.3	Khá	
159	04	075	Nguyễn Thị Tiểu Mẫn	CKTD07A1	14/11/2002	Tây Ninh	6.8	6.0	7.0	7.5	6.7	Trung bình khá	
160	04	080	Trần Thị Ngọc Nga	CKTD07A1	20/08/2002	Tây Ninh	7.0	5.0	7.5	7.5	6.8	Trung bình khá	
161	04	083	Lâm Bảo Ngọc	CKTD07A1	12/01/1994	Tây Ninh	7.7	7.5	9.5	8.0	8.3	Khá	có MH học lại
162	04	086	Phạm Thị Hồng Nhung	CKTD07A1	10/10/2001	Tây Ninh	6.8	7.5	9.5	5.5	7.8	Khá	
163	04	089	Lê Thị Thanh Trúc	CKTD07A1	30/07/2000	Tây Ninh	7.2	7.0	7.0	5.0	7.1	Khá	
164	04	091	Nguyễn Kim Tuyền	CKTD07A1	15/10/2002	Tây Ninh	7.1	6.0	7.0	8.0	6.9	Trung bình khá	
165	04	093	Bùi Thị Phương Tuyền	CKTD07A1	03/05/2001	Tây Ninh	7.1	9.0	9.5	8.5	8.2	Khá	có MH học lại
166	05	095	Tổng Ngọc Khánh Vân	CKTD07A1	07/04/2000	Tây Ninh	7.2	5.5	7.5	9.0	7.0	Khá	
167	05	098	Đàm Phạm Thanh Ngân	CKTD07A1	21/04/2002	Tây Ninh	7.2	6.5	7.0	8.5	7.0	Khá	
168	05	101	Dương Thị Diễm Châu	CKTD07A2	16/06/1996	Tây Ninh	7.4	8.0	9.5	9.5	8.2	Khá	có MH học lại
169	05	105	Trần Minh Hoàn	CKTD07A2	13/08/2002	Tây Ninh	7.0	8.0	7.0	8.5	7.2	Khá	
170	05	108	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	CKTD07A2	15/09/2002	Tây Ninh	7.4	7.5	7.5	8.5	7.5	Khá	
171	05	111	Lê Trần Kim Ngân	CKTD07A2	24/09/2002	Tây Ninh	7.3	7.5	6.5	7.0	7.1	Khá	
172	05	114	Trần Thị Tuyết Ngân	CKTD07A2	16/04/2002	Long An	7.2	6.5	6.5	8.5	6.9	Trung bình khá	
173	05	116	Lục Thị Kim Ngoan	CKTD07A2	09/11/2001	Tây Ninh	6.6	8.5	6.0	7.5	6.7	Trung bình khá	
174	06	120	Phan Thị Bích Ngọc	CKTD07A2	05/04/2002	Tây Ninh	6.6	6.5	7.0	5.0	6.7	Trung bình khá	
175	06	123	Nguyễn Hoàng Yế Nhi	CKTD07A2	15/08/2002	Tây Ninh	7.1	9.0	7.5	9.0	7.6	Khá	
176	06	126	Thi Hồng Nhi	CKTD07A2	22/04/2002	Tây Ninh	6.9	9.0	6.5	7.5	7.1	Khá	
177	06	129	Trần Ngọc Yển Nhi	CKTD07A2	04/01/2002	Tây Ninh	7.1	6.5	7.5	8.5	7.1	Khá	
178	06	133	Trần Thị Tố Như	CKTD07A2	22/11/2002	Tây Ninh	7.3	9.5	7.5	8.5	7.7	Khá	
179	06	136	Võ Tuyết Như	CKTD07A2	02/06/2002	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình khá	
180	06	139	Hà Thị Hồng Phương	CKTD07A2	28/01/2002	TP HCM	7.3	9.5	9.5	9.5	8.4	Giỏi	
181	06	141	Dương Thúy Phương	CKTD07A2	14/03/2002	Tây Ninh	6.9	9.0	8.0	9.0	7.6	Khá	
182	07	143	Bùi Nguyễn Trúc Quỳnh	CKTD07A2	01/10/2002	Tây Ninh	7.4	9.0	9.5	9.5	8.4	Giỏi	
183	07	146	Trần Thị Mai Thi	CKTD07A2	27/05/2000	Tây Ninh	6.6	8.0	7.0	7.0	7.0	Khá	
184	07	149	Huỳnh Thị Minh Thư	CKTD07A2	28/10/2002	Tây Ninh	7.3	5.0	7.0	8.0	6.8	Trung bình khá	
185	07	152	Nguyễn Thanh Thư	CKTD07A2	09/01/2002	Tây Ninh	7.2	6.5	7.0	9.0	7.0	Khá	
186	07	155	Phạm Nguyễn Huy Trân	CKTD07A2	22/12/2002	Tây Ninh	7.5	6.0	9.5	7.5	7.9	Khá	
187	07	158	Phạm Thị Huyền Trân	CKTD07A2	07/11/2001	Tây Ninh	6.8	5.0	6.0	7.5	6.2	Trung bình khá	
188	07	162	Hà Thị Mai Trang	CKTD07A2	14/11/2002	Tây Ninh	6.7	8.0	7.0	7.5	7.0	Khá	
189	07	164	Bùi Thị Diễm Trinh	CKTD07A2	13/03/2002	Tây Ninh	7.5	6.0	9.5	9.5	7.9	Khá	
190	08	165	Đinh Thị Bích Tuyền	CKTD07A2	12/11/2002	Tây Ninh	7.4	8.5	8.0	9.5	7.8	Khá	
191	08	171	Ngô Mỹ Uyên	CKTD07A2	14/05/2002	Tây Ninh	7.2	6.5	6.0	8.0	6.7	Trung bình khá	
192	08	174	Hoa Nguyễn Thanh Vân	CKTD07A2	17/12/2002	Tây Ninh	6.7	5.0	6.5	7.0	6.4	Trung bình khá	
193	08	177	Nguyễn Thị Chúc Vàng	CKTD07A2	02/10/2002	Tây Ninh	7.5	6.5	9.5	8.0	8.0	Khá	có MH học lại
194	08	181	Thị Thành Vinh	CKTD07A2	25/04/2001	Tây Ninh	7.2	5.0	7.0	8.0	6.8	Trung bình khá	
195	08	184	Nguyễn Thị Tường Vy	CKTD07A2	20/09/2002	Tây Ninh	7.1	8.0	9.5	9.0	8.1	Giỏi	



TT	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
								LT	TH	CT			
196	08	187	Phạm Tường Vy	CKTD07A2	14/05/2002	Tây Ninh	7.0	9.0	5.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
197	09	192	Nguyễn Thị Xuyến	CKTD07A2	04/12/2002	Tây Ninh	7.1	6.5	6.5	7.0	6.8	Trung bình khá	
198	09	197	Phạm Thị Ngọc Xuyến	CKTD07A2	30/10/2002	Tây Ninh	6.8	7.0	6.5	6.0	6.7	Trung bình khá	
199	09	201	Nguyễn Thị Kim Yến	CKTD07A2	13/07/2002	Tây Ninh	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá	
200	09	205	Phạm Hoàng Yến	CKTD07A2	03/04/2002	Tây Ninh	6.7	7.0	6.5	6.0	6.7	Trung bình khá	
201	09	193	Trần Nguyễn Thu Ngân	CKTD06A1	18/10/2001	Tây Ninh	6.5	7.5	7.5	7.5	7.0	Khá	
202	09	198	Lê Nguyễn Như Ngọc	CKTD06A1	09/10/2001	Tây Ninh	6.7	7.0	6.5	7.5	6.7	Trung bình khá	
203	09	202	Thái Thị Kim Ngân	CKTD06A2	17/05/2001	Tây Ninh	7.0	7.0	5.0	7.5	6.3	Trung bình khá	
204	09	206	Nguyễn Thị Yến Nhi	CKTD06A2	23/01/2001	Tây Ninh	7.1	7.5	5.0	7.5	6.5	Trung bình khá	

Danh sách này có 204 sinh viên

Tây Ninh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



ThS: Châu Thành Trọng

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Kỳ thi tốt nghiệp khóa ngày 09/6/2023

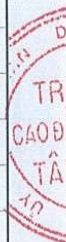
Hệ Trung cấp

(Kèm theo Quyết định số 512/QĐ-CDN ngày 21/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh)

TT	P. thi	Số BD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									LT	TH	CT			
1	10	211	Võ Hoàng	Gia	TDCN43B1	12/05/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	9.0	5.0	7.2	Khá	
2	10	218	Châm Hâm Pà	Ly	TDCN43B1	30/09/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	5.5	5.0	6.0	Trung bình khá	
3	10	224	Hà Ngọc	Hào	TDCN43B1	31/07/2006	Tây Ninh	7.0	6.5	7.5	6.0	7.1	Khá	
4	11	235	Lê Phú	Hào	TDCN43B1	23/03/2006	Tây Ninh	7.1	6.0	8.5	7.0	7.4	Khá	
5	11	247	Lê Công	Hậu	TDCN43B1	23/12/2006	TP. HCM	6.7	8.0	7.5	6.5	7.2	Khá	
6	12	258	Lê Hoàng	Hiệp	TDCN43B1	03/10/2006	Tây Ninh	6.7	5.5	8.0	7.5	6.9	Trung bình khá	
7	12	273	Ngô Minh	Hiếu	TDCN43B1	15/07/2006	Tây Ninh	7.6	9.0	9.5	7.0	8.5	Giỏi	
8	12	277	Phan Văn	Hiếu	TDCN43B1	24/11/2006	Tây Ninh	7.9	8.5	9.0	7.0	8.4	Giỏi	
9	13	280	Lê Việt	Hung	TDCN43B1	22/05/2006	Tây Ninh	7.0	7.5	9.0	9.5	7.8	Khá	
10	13	296	Bùi Gia	Huy	TDCN43B1	15/01/2006	Tây Ninh	8.0	7.0	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
11	13	300	Trần Nguyễn	Kha	TDCN43B1	08/09/2006	Tây Ninh	7.4	7.5	8.0	9.5	7.6	Khá	
12	14	304	Trần Đăng	Khoa	TDCN43B1	01/04/2004	Tây Ninh	7.7	8.0	9.5	9.5	8.4	Giỏi	
13	14	317	Nguyễn Văn	Kiệt	TDCN43B1	07/08/2006	Tây Ninh	7.1	5.0	9.0	6.0	7.4	Khá	
14	14	323	Nguyễn Lê	Lộc	TDCN43B1	01/04/2006	Tây Ninh	7.4	8.5	8.5	7.0	8.0	Giỏi	
15	15	327	Nguyễn Minh	Lợi	TDCN43B1	02/03/2006	Tây Ninh	7.5	5.5	9.5	6.0	7.8	Khá	
16	15	340	Võ Thành	Nam	TDCN43B1	28/05/2006	Tây Ninh	6.4	5.5	9.0	6.0	7.1	Khá	
17	15	345	Nguyễn Võ Phú	Ấn	TDCN43B2	16/07/2006	Tây Ninh	7.4	9.0	9.0	8.5	8.2	Giỏi	
18	16	351	Võ Chí	Nguyễn	TDCN43B2	30/09/2006	Bến Tre	7.4	6.5	8.0	5.0	7.5	Khá	
19	17	376	Trần Tiến	Phát	TDCN43B2	26/03/2006	Tây Ninh	6.3	6.0	8.5	7.5	7.0	Khá	
20	17	389	Đỗ Đình	Phong	TDCN43B2	27/01/2006	Tây Ninh	7.4	7.0	5.5	8.5	6.7	Trung bình khá	
21	17	392	Huỳnh Thanh	Phong	TDCN43B2	24/07/2006	Tây Ninh	7.5	9.5	9.0	7.0	8.3	Giỏi	
22	18	400	Phạm Văn	Phú	TDCN43B2	11/06/2006	Tây Ninh	7.6	9.0	10.0	9.0	8.6	Giỏi	
23	18	411	Trương Thanh	Tài	TDCN43B2	07/11/2006	Tây Ninh	6.2	6.0	5.0	5.5	5.8	Trung bình	
24	18	416	Bùi Trung	Tiến	TDCN43B2	12/08/2006	Tây Ninh	6.3	6.5	7.5	7.0	6.7	Trung bình khá	
25	19	436	Võ Trung	Tín	TDCN43B2	05/12/2002	Tây Ninh	8.1	9.5	9.5	10.0	8.8	Giỏi	
26	19	440	Nguyễn Văn	Toàn	TDCN43B2	04/11/2005	Tây Ninh	8.1	9.0	8.0	9.5	8.2	Khá	có MH thi lại
27	20	447	Nguyễn Đức	Trọng	TDCN43B2	26/04/2004	Tây Ninh	7.1	5.0	5.5	5.0	6.2	Trung bình khá	
28	20	458	Lê Hoàng	Trung	TDCN43B2	18/09/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	7.5	6.0	6.7	Trung bình khá	
29	20	461	Phạm Hoàng	Tuấn	TDCN43B2	07/09/2004	Tây Ninh	6.3	5.0	5.0	8.5	5.7	Trung bình	
30	21	471	Nguyễn Đặng Thai	Vũ	TDCN43B2	26/10/2006	Tây Ninh	6.4	7.0	8.5	6.5	7.2	Khá	
31	21	482	Nguyễn Thanh	Vũ	TDCN43B2	18/04/2006	Tây Ninh	7.7	8.0	9.5	7.0	8.4	Khá	có MH thi lại
32	11	236	Đỗ Lê Xuân	An	TDTC43B	15/11/2006	Tây Ninh	6.0	5.0	5.0	9.0	5.5	Trung bình	
33	12	259	Lê Bá	Hùng	TDTC43B	24/09/2004	Tây Ninh	7.3	5.0	8.5	7.5	7.3	Khá	
34	13	281	Nguyễn Nhật	Huy	TDTC43B	31/05/2006	Tây Ninh	7.2	5.0	6.0	9.0	6.4	Trung bình khá	
35	14	305	Nguyễn Hoàng	Minh	TDTC43B	16/07/2006	Tây Ninh	7.3	9.0	7.0	10.0	7.5	Khá	
36	15	329	Nguyễn Cao	Nguyễn	TDTC43B	02/11/2006	Tây Ninh	7.0	8.0	6.0	8.0	6.8	Trung bình khá	
37	16	352	Nguyễn Quốc	Thái	TDTC43B	26/12/2006	Tây Ninh	6.8	6.0	7.0	9.5	6.7	Trung bình khá	

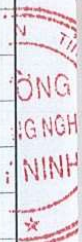
TT	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
								LT	TH	CT			
38	17	377	Trương Quốc Thắng	TDTC43B	28/08/2006	Tây Ninh	7.6	8.0	7.0	8.0	7.5	Khá	
39	18	401	Nguyễn Minh Trí	TDTC43B	18/07/2005	Tây Ninh	7.3	6.5	7.5	7.0	7.2	Khá	
40	19	426	Huỳnh Nhật Trường	TDTC43B	19/11/2006	Tây Ninh	6.1	8.0	5.0	6.0	6.1	Trung bình khá	
41	10	212	Dương Hoàng Ngự Ân	TDLA43B1	26/03/2001	Bình Phước	7.4	5.0	7.5	9.0	7.0	Khá	
42	10	220	Võ Hoàng Anh	TDLA43B1	30/01/2006	Tây Ninh	6.6	6.5	7.0	7.5	6.7	Trung bình khá	
43	10	225	Vũ Đức Việt Anh	TDLA43B1	05/02/2001	Hải Dương	7.5	7.5	8.0	8.0	7.7	Khá	
44	10	227	Nguyễn Nguyên Chánh	TDLA43B1	24/01/2006	Tây Ninh	6.3	5.0	5.0	6.5	5.7	Trung bình	
45	10	229	Nguyễn Trung Chánh	TDLA43B1	18/12/2006	Tây Ninh	7.2	8.0	8.0	9.0	7.6	Khá	
46	10	232	Phan Thành Đô	TDLA43B1	20/10/2006	Tây Ninh	5.9	7.5	6.0	7.0	6.2	Trung bình khá	
47	11	237	Hoàng Mạnh Duy	TDLA43B1	08/02/2006	Tây Ninh	6.8	5.5	7.0	10.0	6.7	Trung bình khá	
48	11	241	Nguyễn Huy Hà	TDLA43B1	08/08/2006	Tây Ninh	6.9	5.0	7.0	9.0	6.6	Trung bình khá	
49	11	245	Nguyễn Phước Hào	TDLA43B1	02/07/2006	Tây Ninh	6.4	5.0	5.5	9.0	5.9	Trung bình	
50	11	252	Huỳnh Minh Hậu	TDLA43B1	05/04/2000	Tây Ninh	8.0	8.0	8.5	9.0	8.2	Giỏi	
51	11	255	Nguyễn Phú Hiền	TDLA43B1	22/12/2006	Tây Ninh	6.8	7.0	6.5	9.0	6.7	Trung bình khá	
52	12	257	Nguyễn Minh Hoàng	TDLA43B1	08/05/2006	Tây Ninh	7.1	5.0	7.5	7.0	6.9	Trung bình khá	
53	12	260	Trịnh Duy Hoàng	TDLA43B1	03/09/2006	Tây Ninh	7.8	8.5	8.0	9.0	8.0	Giỏi	
54	12	264	Nguyễn An Hưng	TDLA43B1	11/06/2005	Tây Ninh	6.6	6.0	6.0	9.0	6.3	Trung bình khá	
55	12	269	Nguyễn Ngô Quốc Hưng	TDLA43B1	17/08/2006	Tây Ninh	7.5	7.5	6.5	8.5	7.2	Khá	
56	12	278	Lê Đan Huy	TDLA43B1	16/10/2006	Tây Ninh	6.6	6.0	5.5	7.0	6.1	Trung bình khá	
57	13	282	Đặng Hoàng Khang	TDLA43B1	20/08/2006	Tây Ninh	7.3	5.0	7.0	9.0	6.8	Trung bình khá	
58	13	292	Lâm Nguyễn Duy Khánh	TDLA43B1	15/11/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	6.5	8.0	6.3	Trung bình khá	
59	13	297	Vũ Hữu Lê Khoa	TDLA43B1	24/11/2006	TP. HCM	6.7	5.0	5.0	7.0	5.9	Trung bình	
60	13	301	Trần Anh Khôi	TDLA43B1	05/08/2006	Cà Mau	7.0	6.0	7.5	9.5	7.0	Khá	
61	14	306	Trần Quốc Kiệt	TDLA43B1	28/04/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	6.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
62	14	318	Nguyễn Phúc Lân	TDLA43B1	11/10/2006	Long An	6.9	5.0	7.5	8.0	6.8	Trung bình khá	
63	14	322	Cao Lê Trung Hậu	TDLA43B2	01/01/1995	Tây Ninh	8.0	7.0	6.5	7.0	7.3	Khá	
64	15	330	Phạm Vũ Nam	TDLA43B2	01/07/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	7.0	8.0	6.6	Trung bình khá	
65	15	342	Trần Hào Nam	TDLA43B2	06/08/2005	Tây Ninh	6.8	5.0	5.0	5.0	5.9	Trung bình	
66	15	346	Phan Lưu Tuấn Nghi	TDLA43B2	12/09/2006	Tây Ninh	6.3	5.0	6.0	8.5	6.0	Trung bình khá	
67	15	349	Đặng Huỳnh Khôi Nguyên	TDLA43B2	20/06/2005	Tây Ninh	6.7	5.5	6.0	5.0	6.3	Trung bình khá	
68	16	353	Phạm Quốc Nguyên	TDLA43B2	18/10/2005	Tây Ninh	6.8	5.0	6.0	6.5	6.2	Trung bình khá	
69	16	371	Đặng Ngọc Phú	TDLA43B2	09/11/2006	Tây Ninh	7.5	5.0	7.5	7.0	7.1	Khá	
70	16	373	Bùi Hoàng Gia Phúc	TDLA43B2	07/12/2006	Tây Ninh	6.7	6.5	6.5	9.5	6.6	Trung bình khá	
71	17	390	Trần Văn Phước	TDLA43B2	06/10/2006	Tây Ninh	6.8	5.5	7.0	6.5	6.7	Trung bình khá	
72	17	394	Lưu Kiến Quốc	TDLA43B2	22/07/2005	Tây Ninh	6.3	6.0	5.5	6.0	6.0	Trung bình khá	
73	17	397	Nguyễn Anh Quốc	TDLA43B2	26/07/2006	Tây Ninh	7.0	6.5	6.5	6.0	6.8	Trung bình khá	
74	18	403	Trịnh Thế Sang	TDLA43B2	06/01/2006	Tây Ninh	7.0	6.0	7.5	9.5	7.0	Khá	
75	18	413	Lê Hữu Tài	TDLA43B2	13/10/2006	Tây Ninh	7.3	6.0	8.0	8.0	7.3	Khá	
76	18	417	Dương Văn Thắng	TDLA43B2	11/10/2000	Thái Nguyên	8.4	8.0	9.0	6.0	8.5	Giỏi	
77	18	421	Lê Quốc Thắng	TDLA43B2	17/08/2006	Tây Ninh	6.9	6.0	6.0	5.5	6.5	Trung bình khá	
78	19	437	Đinh Văn Thảo	TDLA43B2	31/08/2006	Tây Ninh	7.9	9.5	7.5	10.0	8.0	Giỏi	
79	19	441	Trần Thanh Thiện	TDLA43B2	03/08/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	5.0	5.0	5.9	Trung bình	

TT	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							TK	LT	TH	CT			
80	19	444	Nguyễn Phước Thọ	TDLA43B2	17/04/2006	Tây Ninh	7.2	6.0	7.0	7.5	6.9	Trung bình khá	
81	20	454	Dương Công Tiên	TDLA43B2	08/06/2006	Tây Ninh	6.4	5.0	6.5	5.0	6.2	Trung bình khá	
82	20	462	Trần Quốc Toàn	TDLA43B2	21/08/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	5.0	5.0	5.8	Trung bình	
83	20	467	Phạm Minh Trí	TDLA43B2	12/11/2006	Tây Ninh	6.9	5.0	6.0	5.0	6.3	Trung bình khá	
84	21	472	Lê Chí Trung	TDLA43B2	26/10/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	6.5	5.5	6.3	Trung bình khá	
85	21	477	Nguyễn Tuấn Vĩ	TDLA43B2	17/03/2006	Tây Ninh	7.0	5.0	5.5	6.0	6.2	Trung bình khá	
86	21	483	Trần Thanh Vinh	TDLA43B2	20/10/2006	Tây Ninh	7.2	6.5	7.5	7.0	7.2	Khá	
87	21	489	Đặng Nguyễn Vương	TDLA43B2	18/01/2006	Tây Ninh	7.6	5.0	8.0	6.5	7.3	Khá	
88	21	494	Nguyễn Võ Long Vỹ	TDLA43B2	15/11/2006	Tây Ninh	6.8	8.0	6.5	9.0	6.9	Trung bình khá	
89	12	261	Trần Võ Trường An	TCGK43B	23/06/2006	Tây Ninh	7.0	5.5	7.5	6.5	6.9	Trung bình khá	
90	13	283	Lâm Gia Huy	TCGK43B	24/10/2006	Tây Ninh	7.2	5.0	7.0	9.0	6.8	Trung bình khá	
91	14	308	Nguyễn Huỳnh Bà Huy	TCGK43B	27/12/2005	Tây Ninh	7.1	5.0	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
92	15	331	Lê Phát Lộc	TCGK43B	16/11/2006	Tây Ninh	7.8	7.5	8.0	8.5	7.8	Khá	
93	16	354	Trần Nhật Minh	TCGK43B	29/10/2006	Tây Ninh	6.9	5.0	7.0	7.5	6.6	Trung bình khá	
94	17	380	Lê Thanh Nhân	TCGK43B	22/12/2006	Tây Ninh	7.1	5.0	6.5	7.0	6.6	Trung bình khá	
95	18	404	Trần Công Quý	TCGK43B	30/07/2006	Tây Ninh	6.8	7.0	6.5	5.0	6.7	Trung bình khá	
96	19	428	Trần Minh Tân	TCGK43B	14/09/2006	Tây Ninh	6.7	5.5	6.5	6.0	6.4	Trung bình khá	
97	20	449	Nguyễn Bảo Tiến	TCGK43B	27/12/2006	TP. HCM	7.7	7.0	7.5	7.5	7.5	Khá	
98	21	475	Phạm Văn Trường	TCGK43B	29/06/2006	Tây Ninh	7.2	5.0	6.5	9.0	6.6	Trung bình khá	
99	10	213	Đặng Phạm Phan An	TCNO43B1	20/10/2000	Tây Ninh	7.1	6.5	7.0	7.0	7.0	Khá	
100	10	216	Nguyễn Quốc An	TCNO43B1	05/11/2006	Tây Ninh	6.8	5.5	5.0	5.0	6.0	Trung bình khá	
101	10	219	Nguyễn Hoàn Anh	TCNO43B1	18/07/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	5.0	7.5	5.8	Trung bình	
102	10	222	Hà Gia Bảo	TCNO43B1	16/01/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	5.0	8.0	5.9	Trung bình	
103	10	226	Bùi Thanh Bình	TCNO43B1	09/09/2006	TP. HCM	6.7	5.0	5.0	7.0	5.9	Trung bình	
104	10	230	Lê Thanh Bình	TCNO43B1	04/11/2005	Tây Ninh	6.8	5.0	6.0	8.0	6.2	Trung bình khá	
105	10	233	Nguyễn Phong Danh	TCNO43B1	04/10/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	6.0	8.0	6.2	Trung bình khá	
106	11	238	Huỳnh Thanh Tấn Đạt	TCNO43B1	09/06/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	5.0	8.5	5.8	Trung bình	
107	11	242	Phan Gia Đạt	TCNO43B1	17/05/2006	Tây Ninh	6.9	5.5	6.0	9.5	6.4	Trung bình khá	
108	11	249	Nguyễn Chí Dinh	TCNO43B1	02/10/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	5.0	8.0	5.8	Trung bình	
109	11	253	Trần Văn Dữ	TCNO43B1	02/09/2006	An Giang	6.5	5.0	5.0	5.0	5.8	Trung bình	
110	11	256	Nguyễn Hà Tiến Dũng	TCNO43B1	02/08/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	6.0	6.0	6.1	Trung bình khá	
111	12	262	Lại Thanh Duy	TCNO43B1	10/09/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	7.0	6.0	6.6	Trung bình khá	
112	12	267	Nguyễn Quốc Duy	TCNO43B1	09/07/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	6.0	5.0	6.1	Trung bình khá	
113	12	271	Trần Minh Duy	TCNO43B1	31/03/2006	Tây Ninh	6.3	5.0	5.0	6.0	5.7	Trung bình	
114	12	275	Đỗ Nhựt Hào	TCNO43B1	13/02/2005	Tây Ninh	6.8	5.0	6.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
115	12	279	Lâm Thế Hào	TCNO43B1	15/06/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	5.0	5.5	5.8	Trung bình	
116	13	284	Lê Văn Hậu	TCNO43B1	17/01/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	5.0	5.0	5.8	Trung bình	
117	13	288	Phạm Thành Hậu	TCNO43B1	09/08/2000	Tây Ninh	6.8	7.0	7.0	8.0	6.9	Trung bình khá	
118	13	291	Trịnh Nhân Hậu	TCNO43B1	01/04/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình khá	
119	13	294	Nguyễn Phước Hên	TCNO43B1	22/10/2006	Tây Ninh	6.0	5.0	5.0	5.5	5.5	Trung bình	
120	13	298	Trương Đan Huy	TCNO43B1	19/09/2006	Tây Ninh	7.1	6.5	7.0	6.0	7.0	Khá	
121	13	302	Cổ Minh Khang	TCNO43B1	31/12/2006	TP. HCM	6.6	5.5	5.0	8.0	5.9	Trung bình	



TT	P. thi	Số BD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									LT	TH	CT			
122	14	303	Lương An	Khang	TCNO43B1	12/08/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	5.0	5.5	5.8	Trung bình	
123	14	307	Nguyễn Duy	Khang	TCNO43B1	25/08/2005	Tây Ninh	6.5	6.0	5.0	6.0	5.9	Trung bình	
124	14	311	Phùng Kim	Khang	TCNO43B1	17/11/2006	Sóc Trăng	6.3	5.0	5.0	6.5	5.7	Trung bình	
125	14	315	Trần Tuấn	Khang	TCNO43B1	28/03/2005	Tây Ninh	6.9	6.0	5.0	6.5	6.1	Trung bình khá	
126	14	320	Bạch Nguyễn Anh Khôi		TCNO43B1	25/05/2006	TP. HCM	6.7	5.0	7.0	6.0	6.5	Trung bình khá	
127	14	326	Nguyễn Minh	Khương	TCNO43B1	07/09/2006	Tây Ninh	6.8	7.0	8.0	7.5	7.2	Khá	
128	15	328	Phạm Văn Trung	Kiên	TCNO43B1	04/09/2004	Đồng Nai	6.9	5.0	7.0	6.5	6.6	Trung bình khá	
129	15	332	Nguyễn Lê Thanh Kiệt		TCNO43B1	17/04/2006	Tây Ninh	6.5	5.5	5.0	6.5	5.8	Trung bình	
130	15	337	Nguyễn Tấn	Kiệt	TCNO43B1	10/10/2006	Tây Ninh	6.5	6.0	5.0	8.0	5.9	Trung bình	
131	15	341	Dương Quốc	Linh	TCNO43B1	31/05/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	6.0	9.0	6.2	Trung bình khá	
132	15	347	Võ Thanh	Linh	TCNO43B1	21/09/2006	An Giang	7.1	7.5	8.0	8.5	7.5	Khá	
133	15	350	Đặng Đức	Lợi	TCNO43B1	10/12/2006	Tây Ninh	6.4	5.0	7.0	6.0	6.4	Trung bình khá	
134	16	355	Trần Hưng	Lợi	TCNO43B1	30/05/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	5.0	5.0	5.9	Trung bình	
135	16	359	Huỳnh Phước	Nam	TCNO43B2	19/06/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	6.0	6.5	6.2	Trung bình khá	
136	16	364	Lê Quốc	Nam	TCNO43B2	23/06/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	8.0	9.0	6.8	Trung bình khá	
137	16	367	Ngô Hoài	Nam	TCNO43B2	09/12/2006	Tây Ninh	6.8	5.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình khá	
138	16	370	Nguyễn Phương	Nam	TCNO43B2	28/05/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	6.0	8.0	6.1	Trung bình khá	
139	16	374	Phạm Thành	Nguyễn	TCNO43B2	08/01/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	6.0	8.5	6.1	Trung bình khá	
140	17	375	Phan Minh	Nhật	TCNO43B2	18/09/2004	Tây Ninh	6.1	5.0	5.0	8.5	5.6	Trung bình	
141	17	379	Lê Đăng An	Ninh	TCNO43B2	10/11/2006	Tây Ninh	6.7	6.0	7.0	8.0	6.7	Trung bình khá	
142	17	383	Ngô Vạn	Phát	TCNO43B2	11/06/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	6.5	6.5	Trung bình khá	
143	17	388	Trương Minh	Quân	TCNO43B2	27/07/2006	Tây Ninh	6.1	5.0	5.0	5.0	5.6	Trung bình	
144	17	393	Bùi Trung	Quốc	TCNO43B2	15/11/2005	Tây Ninh	6.2	5.0	6.0	5.0	5.9	Trung bình	
145	17	398	Lê Minh	Quốc	TCNO43B2	14/08/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	7.5	6.5	Trung bình khá	
146	18	399	Trần Văn	Sang	TCNO43B2	16/04/2006	Tây Ninh	6.4	8.0	6.0	9.0	6.5	Trung bình khá	
147	18	402	Đoàn Quốc	Tài	TCNO43B2	06/07/2006	Tây Ninh	6.6	6.5	7.0	9.0	6.7	Trung bình khá	
148	18	407	Nguyễn Phát	Tài	TCNO43B2	12/11/2006	Tây Ninh	6.4	6.5	5.0	8.0	6.0	Trung bình khá	
149	18	412	Trần Đoàn Công	Tài	TCNO43B2	27/05/2006	Tây Ninh	6.5	6.0	6.0	8.0	6.3	Trung bình khá	
150	18	415	Lâm Văn	Thái	TCNO43B2	31/10/2006	Tây Ninh	6.6	7.0	8.0	5.5	7.1	Khá	
151	18	418	Võ Nguyễn Quốc	Thiện	TCNO43B2	05/10/2006	Tây Ninh	6.7	5.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình khá	
152	18	422	Phạm Trí	Thức	TCNO43B2	01/11/2006	Tây Ninh	6.3	5.5	5.0	6.5	5.7	Trung bình	
153	19	423	Nguyễn Trần Quốc Tín		TCNO43B2	05/01/2005	Tây Ninh	6.5	5.0	8.0	6.5	6.8	Trung bình khá	
154	19	429	Lâm Trung	Tính	TCNO43B2	08/06/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	8.5	6.5	Trung bình khá	
155	19	442	Ngô Quốc	Toàn	TCNO43B2	24/10/2006	Tây Ninh	6.0	6.0	5.0	8.5	5.7	Trung bình	
156	19	445	Phạm Đình	Trọng	TCNO43B2	06/03/2006	Tây Ninh	6.7	5.5	6.0	8.0	6.3	Trung bình khá	
157	20	450	Đặng Phước	Trường	TCNO43B2	29/08/2006	Tây Ninh	6.6	6.0	6.0	5.0	6.3	Trung bình khá	
158	20	455	Nguyễn Mạnh	Trường	TCNO43B2	03/05/2006	Tây Ninh	7.0	6.0	8.0	8.0	7.2	Khá	
159	20	463	Nguyễn Văn	Tú	TCNO43B2	30/07/2006	Tây Ninh	6.6	5.5	6.0	8.0	6.2	Trung bình khá	
160	20	466	Trương Anh	Tuấn	TCNO43B2	28/02/2006	Tây Ninh	6.3	5.5	6.0	5.0	6.1	Trung bình khá	
161	20	469	Nguyễn Ngọc	Tùng	TCNO43B2	02/07/2006	Tây Ninh	6.5	6.5	6.0	8.5	6.3	Trung bình khá	
162	21	473	Đoàn Trọng	Văn	TCNO43B2	18/03/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	5.0	7.0	5.8	Trung bình	
163	21	484	Nguyễn Tấn	Vĩ	TCNO43B2	11/07/2006	Tây Ninh	7.3	6.5	8.0	7.0	7.4	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									LT	TH	CT			
164	21	488	Lê Hoàng	Vũ	TCNO43B2	12/07/2006	Tây Ninh	6.3	5.0	5.0	6.0	5.7	Trung bình	
165	21	491	Trần Văn	Ý	TCNO43B2	21/10/2006	Tây Ninh	6.3	5.0	6.0	5.0	6.0	Trung bình khá	
166	10	228	Nguyễn Thiên	Bảo	THAN43B	26/03/2006	Tây Ninh	5.9	6.5	5.0	5.5	5.7	Trung bình	
167	11	239	Huỳnh Công	Danh	THAN43B	12/09/2006	Tây Ninh	6.7	6.0	6.5	8.0	6.5	Trung bình khá	
168	12	263	Lê Thành	Hưng	THAN43B	30/09/2006	Tây Ninh	7.2	6.0	8.0	5.5	7.3	Khá	
169	13	285	Lê Văn	Mai	THAN43B	03/12/2006	Tây Ninh	7.0	6.0	7.0	7.0	6.8	Trung bình khá	
170	15	333	Nguyễn Lê Phước	Sang	THAN43B	07/02/2005	Tây Ninh	7.3	5.0	6.5	8.0	6.7	Trung bình khá	
171	16	356	Thái Xuân	Thành	THAN43B	26/08/2006	Tây Ninh	7.0	5.0	7.0	8.0	6.7	Trung bình khá	
172	17	381	Hồng Bá	Thanh	THAN43B	02/03/2006	TP. HCM	6.2	5.0	5.5	5.0	5.8	Trung bình	
173	18	405	Nguyễn Tấn	Trình	THAN43B	28/12/2006	Tây Ninh	7.4	8.0	8.5	5.5	7.9	Khá	
174	19	431	Nguyễn Phú	Trọng	THAN43B	08/10/2006	Tây Ninh	6.6	6.5	7.0	8.0	6.7	Trung bình khá	
175	10	214	Võ Mai Đức	Anh	TBTC43B	20/02/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	7.5	6.5	6.7	Trung bình khá	
176	10	221	Nguyễn Trọng	Bín	TBTC43B	02/03/2006	Tây Ninh	6.9	8.5	7.5	9.0	7.4	Khá	
177	11	240	Phạm Ngọc	Bình	TBTC43B	10/11/2006	Tây Ninh	6.5	7.5	7.0	8.0	6.8	Trung bình khá	
178	11	250	Ngô Thành	Đạt	TBTC43B	08/12/2006	Tây Ninh	6.5	5.5	7.0	8.5	6.5	Trung bình khá	
179	12	265	Nguyễn Thành	Đạt	TBTC43B	04/01/2006	Tây Ninh	6.9	9.0	7.5	6.0	7.5	Khá	
180	12	274	Lê Ngọc	Dĩ	TBTC43B	06/06/2006	Tây Ninh	6.6	5.5	7.5	5.0	6.7	Trung bình khá	
181	13	287	Võ Văn	Điện	TBTC43B	13/12/2006	Tây Ninh	6.5	5.0	7.5	8.0	6.6	Trung bình khá	
182	13	299	Lê Nhựt	Hào	TBTC43B	27/09/2006	Tây Ninh	6.4	6.0	7.0	9.5	6.5	Trung bình khá	
183	14	310	Trang Chí	Hào	TBTC43B	29/05/2006	Tây Ninh	6.5	5.5	8.0	6.5	6.8	Trung bình khá	
184	14	319	Nguyễn Thanh	Hiếu	TBTC43B	04/07/2006	Tây Ninh	6.3	7.0	7.5	5.5	6.8	Trung bình khá	
185	14	324	Lương Quốc	Hưng	TBTC43B	06/03/2006	Tây Ninh	6.7	7.0	8.0	8.5	7.2	Khá	
186	15	334	Trần Tuấn	Huy	TBTC43B	11/06/2006	Tây Ninh	6.7	6.0	8.0	9.0	7.0	Khá	
187	15	343	Đặng Quốc	Khang	TBTC43B	19/05/2006	Tây Ninh	7.3	9.0	8.0	5.0	7.8	Khá	
188	15	348	Lê Thái Anh	Khoa	TBTC43B	17/02/2006	Quảng Nam	7.2	8.5	8.5	8.5	7.9	Khá	
189	16	357	Trần Tuấn	Kiệt	TBTC43B	09/09/2006	Phú Yên	6.7	5.0	7.5	5.5	6.7	Trung bình khá	
190	16	366	Ngô Minh	Lâm	TBTC43B	06/08/2006	Tây Ninh	6.7	7.0	8.0	8.5	7.2	Khá	
191	16	372	Nguyễn Tài	Lộc	TBTC43B	30/10/2006	Tây Ninh	6.6	9.0	6.5	8.0	7.0	Khá	
192	17	382	Phạm Minh	Luân	TBTC43B	03/09/2006	Tây Ninh	6.3	7.0	7.0	5.5	6.7	Trung bình khá	
193	17	391	Hà Hiếu	Nghĩa	TBTC43B	11/08/2006	Tây Ninh	6.8	9.0	6.5	5.5	7.1	Khá	
194	17	396	Nguyễn Minh	Nhựt	TBTC43B	05/11/2005	Tây Ninh	6.5	9.0	7.0	5.5	7.1	Khá	
195	18	406	Lê Ngọc	Phúc	TBTC43B	05/12/2006	TP. HCM	6.3	6.0	8.0	8.0	6.8	Trung bình khá	
196	18	414	Nguyễn Hoàng	Phúc	TBTC43B	07/09/2006	Tây Ninh	6.3	9.0	8.0	6.5	7.3	Khá	
197	18	420	Nguyễn Phú	Quý	TBTC43B	09/05/2006	Tây Ninh	6.8	9.0	8.5	7.0	7.7	Khá	
198	19	432	Nguyễn Chí	Thanh	TBTC43B	07/05/2006	Tây Ninh	6.9	7.5	9.0	9.0	7.7	Khá	
199	19	438	Nguyễn Chí	Thanh	TBTC43B	28/05/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	7.0	8.5	6.5	Trung bình khá	
200	19	443	Lê Võ Hùng	Thuận	TBTC43B	15/02/2006	Tây Ninh	7.3	8.5	7.5	10.0	7.6	Khá	
201	20	452	Phan Hữu	Thuận	TBTC43B	26/12/2006	Tây Ninh	6.5	5.5	6.0	5.5	6.2	Trung bình khá	
202	20	459	Nguyễn Thanh	Tiền	TBTC43B	13/03/2005	Tây Ninh	6.9	9.0	6.5	9.0	7.1	Khá	
203	20	465	Nguyễn Trần Đức	Tiền	TBTC43B	09/12/2006	Tây Ninh	6.4	6.5	7.0	9.0	6.6	Trung bình khá	
204	21	476	Lâm Phát	Triển	TBTC43B	13/08/2003	Tây Ninh	7.0	7.0	7.5	6.5	7.2	Khá	
205	21	486	Nguyễn Thanh	Trường	TBTC43B	20/11/2004	Vũng Tàu	7.0	8.0	7.5	9.0	7.3	Khá	



TT	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
								LT	TH	CT			
206	10	215	Bùi Gia Bảo	TQTM43B	21/08/2005	Tây Ninh	6.7	5.0	8.0	5.0	6.9	Trung bình khá	
207	10	223	Nguyễn Thị Kim Hằng	TQTM43B	23/09/2006	Tây Ninh	7.1	7.0	7.5	7.5	7.2	Khá	
208	11	243	Vương Thị Thu Hiền	TQTM43B	19/10/2006	Tây Ninh	7.0	5.5	8.5	7.5	7.3	Khá	
209	12	266	Nguyễn Hưng	TQTM43B	25/08/2005	Tây Ninh	6.8	6.5	9.5	8.0	7.7	Khá	
210	12	276	Trần Ngô Bảo Khôi	TQTM43B	01/01/2006	Tây Ninh	6.9	6.5	8.0	8.0	7.2	Khá	
211	13	289	Thân Minh Kiệt	TQTM43B	20/07/2006	Tây Ninh	6.6	5.0	8.5	6.0	7.0	Khá	
212	14	312	Trần Ngọc Phương Nam	TQTM43B	17/09/1999	Đồng Nai	6.8	5.0	5.5	5.0	6.1	Trung bình khá	
213	14	321	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	TQTM43B	01/11/2003	Tây Ninh	8.6	9.5	10.0	10.0	9.2	Xuất sắc	
214	15	335	Hoa Trung Nhựt	TQTM43B	04/05/2006	Tây Ninh	6.6	5.5	8.0	5.0	6.9	Trung bình khá	
215	15	344	Văn Minh Nhựt	TQTM43B	07/07/2003	Tây Ninh	6.7	8.5	9.5	10.0	7.9	Khá	
216	16	358	Huỳnh Trần Long Phát	TQTM43B	27/07/2006	Tây Ninh	6.4	5.0	5.5	8.0	5.9	Trung bình	
217	16	368	Nguyễn Tiến Phát	TQTM43B	24/05/2004	Tây Ninh	6.0	5.0	5.5	5.0	5.7	Trung bình	
218	17	384	Trần Minh Quang	TQTM43B	22/04/2003	Tây Ninh	7.1	7.0	8.0	8.0	7.4	Khá	
219	17	395	Phan Việt Thành	TQTM43B	09/07/2005	Tây Ninh	6.5	5.5	9.0	7.5	7.2	Khá	
220	18	408	Phan Thái Thuận	TQTM43B	26/9/2006	Tây Ninh	7.5	9.0	10.0	9.0	8.6	Khá	có MH thi lại
221	18	419	Nguyễn Trung Tiến	TQTM43B	06/12/2003	Tây Ninh	6.9	8.5	9.5	7.0	8.0	Khá	có MH thi lại
222	19	433	Nguyễn Hữu Tiền	TQTM43B	08/03/2005	Tây Ninh	6.6	5.0	10.0	6.5	7.5	Khá	
223	19	439	Lê Trung Tín	TQTM43B	01/07/2006	Bình Dương	7.5	5.5	8.0	9.0	7.3	Khá	
224	20	453	Nguyễn Nhật Trường	TQTM43B	17/11/2006	Tây Ninh	6.9	5.0	9.5	5.5	7.5	Khá	
225	20	460	Phạm Thị Trúc Tuyền	TQTM43B	23/06/2006	Tây Ninh	6.9	5.0	7.5	7.5	6.8	Trung bình khá	
226	21	478	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	TQTM43B	15/04/2006	An Giang	7.1	5.0	8.5	7.0	7.2	Khá	
227	12	268	Hà Bảo Ngân	TKTD43B	14/12/2006	Tây Ninh	7.1	5.0	9.5	7.0	7.6	Khá	
228	13	290	Nguyễn Thị Hồng Nhi	TKTD43B	31/08/2005	Tây Ninh	6.3	5.0	7.0	6.5	6.3	Trung bình khá	
229	14	313	Lê Thị Hồng Nhung	TKTD43B	20/7/2006	Tây Ninh	7.2	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá	
230	15	336	Nguyễn Anh Thư	TKTD43B	20/04/2006	Tây Ninh	7.1	9.0	8.5	9.5	7.9	Khá	
231	16	360	Nguyễn Thị Minh Thùy	TKTD43B	26/04/1999	Tây Ninh	7.3	6.0	7.0	9.5	7.0	Khá	
232	17	385	Trần Thị Ngọc Trâm	TKTD43B	30/05/2006	Tây Ninh	7.6	8.5	9.0	9.0	8.2	Giỏi	
233	18	409	Đặng Thị Mộng Trúc	TKTD43B	14/03/2006	Tây Ninh	7.2	6.0	9.5	9.5	7.8	Khá	
234	19	434	Nguyễn Quốc Trung	TKTD43B	11/11/2006	Tây Ninh	6.8	8.0	7.5	9.5	7.2	Khá	
235	10	217	Bùi Thị Thiên Ái	TNVN43B	28/01/2006	Tây Ninh	7.6	7.5	9.0	9.5	8.1	Khá	có MH thi lại
236	11	244	Lê Quỳnh Anh	TNVN43B	19/07/2006	Bình Thuận	7.4	5.5	7.0	7.0	7.0	Khá	
237	11	251	Trần Thị Loan Anh	TNVN43B	18/10/2006	Tây Ninh	7.8	5.5	8.5	8.0	7.7	Khá	
238	12	270	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TNVN43B	07/12/2006	Tây Ninh	6.8	5.0	7.0	7.0	6.6	Trung bình khá	
239	13	293	Trần Thị Thu Hiền	TNVN43B	23/06/2006	Tây Ninh	7.2	5.5	7.0	6.0	6.9	Trung bình khá	
240	14	314	Trần Thị Thu Hiếu	TNVN43B	23/06/2006	Tây Ninh	7.2	5.0	6.5	8.0	6.6	Trung bình khá	
241	16	361	Trần Thị Thanh Ngân	TNVN43B	09/12/2006	Tây Ninh	7.0	5.5	7.0	9.5	6.8	Trung bình khá	
242	17	386	Lê Hoàng Nhân	TNVN43B	19/01/2006	Tiền Giang	7.6	8.5	9.0	6.0	8.2	Giỏi	
243	18	410	Nguyễn Quỳnh Ng Như	TNVN43B	29/10/2006	Tp HCM	7.3	6.5	8.0	10.0	7.4	Khá	
244	19	435	Tổng Mỹ Phương	TNVN43B	07/01/2006	Tây Ninh	7.3	5.0	6.5	7.0	6.7	Trung bình khá	
245	20	457	Trần Xuân Thương	TNVN43B	02/09/2006	Tây Ninh	5.9	5.5	6.5	8.5	6.0	Trung bình khá	
246	21	480	Trần Ngọc Vương	TNVN43B	25/10/2002	Nghệ An	7.1	6.5	9.0	9.0	7.6	Khá	
247	10	231	Hoàng Gia Bảo	TQTD43B	22/09/2002	Tây Ninh	8.1	7.0	9.5	9.0	8.4	Giỏi	
248	12	272	Nguyễn Đức Hiếu	TQTD43B	23/01/2004	Tây Ninh	7.8	6.5	7.5	5.0	7.5	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB	Điểm tốt nghiệp			Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							TK	LT	TH	CT			
249	13	295	Nguyễn Phương Lam	TQTD43B	09/09/2006	Tây Ninh	7.1	7.5	7.0	7.0	7.1	Khá	
250	14	316	Trần Văn Lễ	TQTD43B	22/01/2003	Tây Ninh	8.1	8.5	8.0	8.5	8.1	Giỏi	
251	15	339	Trương Tuyết Mai	TQTD43B	13/02/2006	Tây Ninh	7.5	9.0	8.5	9.5	8.1	Giỏi	
252	16	362	Lê Thị Hồng Thắm	TQTD43B	19/07/2005	An Giang	7.7	9.0	9.5	9.5	8.5	Giỏi	
253	17	387	Trần Anh Thư	TQTD43B	21/07/2006	Tây Ninh	6.7	5.5	6.5	5.0	6.4	Trung bình khá	
254	19	424	Cổ Thiên Lạc	TCNO42B1	02/11/2005	Tây Ninh	5.8	5.0	7.0	6.5	6.1	Trung bình khá	
255	19	430	Trương Hoài Nam	TCNO42B1	15/04/2005	Tây Ninh	5.9	5.0	6.0	8.0	5.8	Trung bình	
256	19	446	Lê Nguyễn Tiến Phát	TCNO42B2	08/11/2004	Tây Ninh	6.8	5.5	5.0	8.5	6.0	Trung bình khá	
257	20	451	Huỳnh Quốc Trung	TCNO42B2	17/10/2005	Tây Ninh	6.6	6.0	5.0	8.0	6.0	Trung bình khá	
258	20	456	Lê Triệu Văn	TCNO42B2	10/09/2003	Tây Ninh	6.3	6.0	5.0	5.0	5.8	Trung bình	
259	21	479	Chen Chien Chih	TQTM42B	17/05/2005	Đài Loan	6.9	7.5	9.5	9.5	7.9	Khá	
260	21	487	Dương Nguyễn Bá An	TBTC42B	07/07/2003	Tp HCM	5.8	7.5	7.5	9.0	6.7	Trung bình khá	
261	21	481	Phạm Trần Gia An	TNVN42B	07/11/2005	Tây Ninh	6.1	6.5	6.5	6.0	6.3	Trung bình khá	
262	20	468	Huỳnh Thanh Trà	TDTC42B	25/10/2005	Tây Ninh	6.3	7.0	7.5	5.5	6.8	Trung bình khá	
263	21	490	Phan Thanh Tú	TDTC42B	03/12/2005	Tây Ninh	6.1	5.0	5.5	9.5	5.7	Trung bình	
264	20	464	Mang Thanh Bình	TCNO42B1	04/03/2005	Tây Ninh	6.4	5.0	7.0	7.0	6.4	Trung bình khá	
265	21	474	Nguyễn Quang Hạ	TCNO42B1	23/10/2005	Tây Ninh	6.0	5.0	5.0	5.0	5.5	Trung bình	
266	21	485	Phạm Văn Minh	TCNO42B1	02/02/2005	Tây Ninh	6.4	5.0	6.0	5.0	6.0	Trung bình khá	
267	21	492	Phạm Nhật Trường	TCNO42B2	22/08/2005	Tây Ninh	6.7	5.0	6.0	6.0	6.2	Trung bình khá	
268	20	470	Lê Thành Phát	TKTD42B	17/08/2004	Tây Ninh	6.9	7.5	6.0	8.0	6.7	Trung bình khá	
269	21	493	Nguyễn Minh Tuyển	TKTD42B	23/10/2005	Tây Ninh	6.4	5.5	5.0	9.5	5.8	Trung bình	
270		495	Tạ Minh Khiêm	TDCN42B1	03/04/2004	Tây Ninh	6.3	5.0	7.0	8.5	6.3	Trung bình khá	

Danh sách này có 270 học sinh

Tây Ninh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Châu Thành Trọng

